

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH BỘ LĨNH

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC- MÔN TIẾNG ANH KHỐI 5

Năm học: 2024 – 2025

Ôn tập từ Unit 7 đến Unit 11 - Sách Family and Friends 5

(từ trang 54 đến trang 87)

I. Từ vựng :

- Unit 7: Dinosaur, bones, model, scary, scream, roar, alive, dead, scientist, tourist, jungle, cave, river,...

Động từ bất quy tắc: *buy - bought, eat-ate, find-found, go-went, know-knew, make-made, see-saw, think-thought, wear-wore, write-wrote*

- Unit 8: lake, mountain, waterfall, ocean, wide, deep, high, island, words, dark, restaurant, floor, building,
- Unit 9: path, grass, flowers, garage can, trees, fountain, litters, bushes, shout, follow, chase, catch, cross,...
- Unit 10: a headache, a fever, a toothache, a cold, a cough, an earache, a stomachache, a sore throat, chips, sugar, exercise, healthy, strong,...
- Unit 11: the future, travel, Earth, moon, rocket, astronaut, supersonic plane, spaceship, robot, traffic, crowded, road, storm,...

II. Cấu trúc câu/ngữ pháp

Unit 7: Simple past (Thì quá khứ đơn) của động từ bất quy tắc: Trang 55 (SB)

Loại câu	Câu khẳng định (+)	Câu phủ định (-)	Câu nghi vấn (?)
Cấu trúc	S + V ₂ + (O)...	S + did + not + V ₀ + (O)... (did not = didn't)	Did + S + V ₀ ...? → Yes, S + did. → No, S + did + not.

Ví dụ	- She <u>wore</u> a red dress yesterday.	- I <u>didn't</u> go to school last Monday.	1. <u>Did</u> they <u>eat</u> a snack? - <u>No</u> , they <u>didn't</u> 2. <u>Did</u> you <u>buy</u> a snack? - <u>Yes</u> , I <u>did</u> .
-------	--	---	--

Unit 8: Cấu trúc so sánh hơn với tính từ ngắn: Trang 61 (SB)

Công thức:

S1 + to be + short adj-er + than + S2.

Ví dụ:

- Grapes **are smaller than** melons.
- A car **is faster than** a bike.

Unit 9: Adverbs of manner: trạng từ chỉ cách thức

Adj – Adv	*Trường hợp đặc biệt
Slow → Slow ly Loud → Loud ly Polite → Polite ly Neat → Neat ly Quiet → Quiet ly Quick → Quick ly	Good → well Hard → hard Fast → fast
<i>Example:</i> Don't shout loud ly Max can't catch well . Walk slow ly on the path. You must speak polite ly .	

Unit 10: Should / Shouldn't : dùng để đưa ra lời khuyên→ dùng để nói về sức khỏe

1. S + should / shouldn't + V-infinitive
2. Should + S + V-infinitive ...? → Yes, S should. → No, S shouldn't.
Example: <ul style="list-style-type: none">- You should drink water when you have a fever.- You shouldn't listen to loud music when you have an earache.- Should I eat fruit and vegetables? => Yes, you should.- Should I eat a lot of candy? => No, you shouldn't.

Unit 11: Thì tương lai đơn

*Đối với động từ “to be”:

- Khẳng định : **S + will + be + N/Adj**
- Phủ định: **S + will not + be + N/Adj**
- Câu hỏi: **Will + S + be +... ?**
=> **Yes, S + will / No, S + won't**

*Đối với động từ thường:

- Khẳng định: **S + will + V (bare-inf)**
- Phủ định: **S + will not + V (bare-inf)**
- Câu hỏi: **Will + S + V (bare-inf)?**
=> **Yes, S + will / No, S + won't**

* Câu nghi vấn dạng Wh-question

Wh-word + will + S + V (bare-inf)? => S + will + V (bare-inf)

Example:

- What will you do tonight? (Bạn sẽ làm gì vào tối mai?)

NỘI DUNG ÔN THI TỪNG KỸ NĂNG

★ Kỹ năng Nghe:

- Ôn tập các dạng bài nghe trong sách Family and Friends từ Unit 7 đến Unit 11
- Nghe và khoanh tròn A, B, C, D
- Nghe và điền từ

★ Kỹ năng Nói:

Nói về các chủ điểm đã học từ Unit 7 đến Unit 11 bao gồm:

- Nhìn tranh và nói từ tương ứng
- Nhìn tranh trả lời câu hỏi
- Nói theo một số chủ đề sau: Talk about what you did last Sunday/ your school trip last time/ visiting a museum/ the rules of the park/ a restaurant you will visit next weekend/ what illness you had last time/ how to be healthy/ space travel to the moon/ what life will be like in 70 years.

Một số câu hỏi như sau (theo tranh minh họa)

Mô tả hành động, sự vật

- What's the dentist/ policewoman... doing?
- What was next to the tent?
- What animals were in the tree/ water....?
- What did the boy wear?
- What did the children look at?

Vị trí cụ thể

- Where was the snake/ pineapple...?
- Where are the girls sitting?
- Where are the people?

Sức khỏe:

- What's wrong with the boy in the front bed / the middle bed?
- What should the girl with a headache / stomachache... do?
- What shouldn't the girl with a stomachache / do?

Nội quy:

- What mustn't the man/ the children do in the museum/ hospital/...?
- What mustn't the children do with the dinosaur models?

Tương lai:

- What will the astronauts do/see/wear in space?
- How many planets do you see in the picture?
- Where will the spaceship travel?

Trạng từ chỉ cách thức

- How is the policewoman running?
- How is the man in the boat rowing?
- How is the girl sitting on the grass talking?

★ Kỹ năng Đọc:

- Nhìn tranh chọn từ vựng tương ứng với tranh, nối các cụm từ phù hợp
- Đọc câu chọn đáp án theo đúng các chủ điểm ngữ pháp đã học
- Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất

★ Kỹ năng Viết:

- Viết từ vựng từ Unit 7 đến Unit 11
- Hoàn thành câu ở dạng so sánh hơn (tính từ ngắn), trạng từ chỉ cách thức
- Chia động từ ở thì quá khứ, tương lai đơn.
- Viết đoạn văn ngắn nói về thói quen chăm sóc sức khỏe lành mạnh, cuộc sống trong tương lai.